

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG – TỈNH KG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hữu Trường

Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh KG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh KG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 84/2021/TLST-HNGĐ, ngày 5 tháng 3 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Bửu Đ, sinh năm 1992 (có mặt)

ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà ấp MP, xã NM, huyện KS, tỉnh ST.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Yến Tr, sinh năm 1994 (có mặt)

ĐKTT: NCT, phường RS, thành phố RG, tỉnh KG.

Chỗ ở hiện nay: Tạm trú khu dân cư xã LĐ, huyện CĐ, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Bửu Đ trình bày: Tôi và chị Tr tự quen biết và tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có Đ ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường RS, thành phố RG, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/8/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chị Tr tại số nhà 226 đường NCT, phường RS, thành phố RG, tỉnh KG.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, tính tình đôi bên không phù hợp, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, từ đó

vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng có hàn gắn nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn xin ly hôn với chị Tr.

- Về con chung: Anh Lê Bửu Đ xác định có 01 người con chung tên Lê Trần Tr Lam, sinh ngày 21/3/2017, hiện con đang sống với chị Tr. Anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ xác định lý do anh yêu cầu nuôi con là do chị Tr đi làm xa không trực tiếp chăm sóc, nuôi con mà giao cho bà ngoại nuôi dưỡng và hiện tại tôi là con trai một trong gia đình đang sống chung với cha mẹ và kinh doanh tại nhà nên điều kiện của tôi chăm sóc con sẽ tốt hơn. Ngoài ra, anh Đ cũng xác nhận thời gian sống ly thân đến nay thì anh thấy sức khỏe con anh vẫn đảm bảo, chỉ có việc là chị Tr đi làm xa không gần gũi con nên anh không đồng ý giao con cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản, nợ chung: Anh Lê Bửu Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 15/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Yến Tr trình bày: Tôi thống nhất lời trình bày của anh Đ về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, tính tình đôi bên không phù hợp và trong quá trình chung sống anh Đ ít chăm sóc vợ con; ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng có hàn gắn nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Nay anh Đ làm đơn ly hôn, tôi yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị Tr xác định có 01 người con chung tên Lê Trần Tr Lam, sinh ngày 21/3/2017, hiện con đang sống với chị Tr. Chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị Tr xác định từ khi ly thân đến nay chị luôn nuôi con tốt, chị đi làm tại tỉnh LA từ tháng 8/2020 là theo hợp đồng của công ty và chị chỉ đi làm đến tháng 9/2021 là về Rạch Giá làm lại nhưng 02 tuần nay chị đã đưa con lên ở cùng với chị để tiện việc chăm sóc. Chị không đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng là do con chị còn nhỏ, là con gái nên cần chăm sóc của mẹ và từ khi ly thân đến nay anh Đ cũng không chu cấp gì cho con, chỉ có ông bà nội khoảng 02 đến 03 tháng cho tiền nuôi con khoảng 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

- Về tài sản, nợ chung: Chị Trần Thị Yến Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đương sự đã cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về yêu cầu ly hôn: Ghi nhận sự tự thuận tình ly hôn của anh Đ và chị Tr.

+ Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung của anh Đ không có cơ sở để chấp nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Bửu Đ khởi kiện yêu cầu “Xin ly hôn” với chị Trần Thị Yến Tr. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh KG.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bửu Đ và chị Trần Thị Yến Tr qua quen biết, tìm hiểu hai bên tiến đến hôn nhân, có Đ ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường RS, thành phố RG, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/8/2016 theo quy định của pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh Đ và chị Tr đều xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, tính tình đôi bên không phù hợp, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Vợ chồng có hàn gắn nhưng không có kết quả và chị Tr cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị Tr.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Lê Bửu Đ và chị Trần Thị Yến Tr xác định có 01 người con chung tên Lê Trần Tr Lam, sinh ngày 21/3/2017, hiện con đang sống với chị Tr. Anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, vì anh cho rằng chị Tr đi làm xa không trực tiếp chăm sóc, nuôi con mà giao cho bà ngoại nuôi dưỡng và hiện tại anh đang sống chung với cha mẹ và kinh doanh tại nhà nên có điều kiện chăm sóc con tốt hơn và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Phía chị Tr cho rằng chị luôn nuôi con tốt, hiện tại con còn rất nhỏ và là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ; nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh Đ và chị Tr, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay con chung do chị Tr nuôi dưỡng và anh Đ cũng thừa nhận chị Tr nuôi con tốt, sức khỏe của con vẫn đảm bảo; hiện tại chị Tr đã đưa con lên ở cùng để mẹ con được gần gũi và tiện việc chăm sóc cho con. Hơn nữa cháu Lam hiện còn rất nhỏ và giới tính nữ

cần sự gần gũi, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ để đảm bảo về sức khỏe và tinh thần cho cháu. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung tên Lê Trần Tr Lam, sinh ngày 21/3/2017 cho chị Trần Thị Yến Tr được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng; chị Tr không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Bửu Đ và chị Trần Thị Yến Tr xác định không có, nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Bửu Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Bửu Đ được ly hôn với chị Trần Thị Yến Tr.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Lê Trần Tr Lam, sinh ngày 21/3/2017 cho chị Trần Thị Yến Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh Lê Bửu Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Bửu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Bửu Đ và chị Trần Thị Yến Tr xác định không có, nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Bửu Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, anh Đ được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001149 ngày 4/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, tỉnh KG.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan đã thực hiện việc Đ ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

THẠCH SÔ PHÉP

